

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC

Đánh giá một số kết quả của hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ năm 2020

Phạm Thị Huyền Chang^{1*}, Lê Bảo Châu¹, Phạm Quỳnh Anh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả một số kết quả của hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu cắt ngang, thu thập số liệu định lượng theo hệ thống báo cáo, thống kê của Sở Y tế từ tuyến xã đến huyện và tỉnh, sử dụng khung hệ thống y tế của Tổ chức y tế thế giới (2007) và cách tiếp cận đánh giá hệ thống y tế theo hướng dẫn của USAID (phiên bản 3.0, 2017) để xây dựng công cụ thu thập số liệu.

Kết quả: Đa số các mục tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển ngành y tế và kế hoạch các chương trình y tế đến 2020 của tỉnh Phú Thọ đều đạt và trên mức trung bình của toàn quốc. Kết quả hoạt động của y tế trên các lĩnh vực: quản lý, điều hành; nhân lực; tài chính y tế; được, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng; hệ thống thông tin; cung ứng dịch vụ đa số đều đạt và vượt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kết luận: Hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ năm 2020 đã đạt được nhiều kết quả tốt tuy nhiên ngành y tế cần tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo, nâng cao năng lực phòng, chống dịch, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đồng thời chủ trọng cải cách thủ tục hành chính, không ngừng ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ y tế.

Từ khoá: Hệ thống y tế, khám chữa bệnh, y tế dự phòng.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống y tế (HTYT) là một phức hợp bao gồm con người, các tổ chức và nguồn lực được sắp xếp và liên kết với nhau bởi các chính sách nhằm thúc đẩy, phục hồi và duy trì sức khỏe (1). Nghiên cứu HTYT có một vai trò quan trọng trong việc củng cố hệ thống, cải thiện hiệu suất và tăng cường tác động đến sức khỏe cộng đồng (2-4). Vì vậy những năm gần đây, các nghiên cứu hệ thống y tế đã được tiến hành tại nhiều quốc gia, khu vực. Hầu hết những nghiên cứu này đều dựa trên khung HTYT của WHO (2007) (5-7).

Tại Việt Nam, từ năm 2007 Bộ Y tế đã phối hợp với nhóm đối tác (HPG) thực hiện báo cáo tổng quan chung ngành y tế (JAHR),

nhằm đánh giá thực trạng và xác định các vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực y tế (8, 9). Tại tuyến tỉnh, một số địa phương cũng đã triển khai những đánh giá HTYT nhằm đưa ra định hướng, chiến lược y tế. Các chỉ số đánh giá HTYT hầu hết bám sát các chỉ số y tế quốc gia, dựa trên theo 6 cấu phần của HTYT (theo WHO) (10, 11).

Phú Thọ là một tỉnh thuộc vùng Đông bắc bộ Việt Nam, có 13 thành phố, huyện, thị với địa hình bị chia cắt mạnh gây cản trở không nhỏ cho phát triển kinh tế – xã hội và đời sống của nhân dân (12). Những năm gần đây công tác y tế của tỉnh đã có bước phát triển trên nhiều lĩnh vực, tuy nhiên tỉnh vẫn đang phải phó với rất nhiều thách thức (12). Trong khi đó, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo nhiều đổi



*Địa chỉ liên hệ: Phạm Thị Huyền Chang

Email: pthc@huph.edu.vn

¹ Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 22/7/2022

Ngày phản biện: 30/11/2022

Ngày đăng bài: 28/02/2023

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0701SKPT22-059>

mới về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế, ngành Y tế tỉnh Phú Thọ cũng cần phải đổi mới phát triển về định hướng, tổ chức bộ máy, công tác quản lý, công tác hoạch toán kinh tế y tế,... Với những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu **đánh giá hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ** với mục tiêu mô tả những kết quả/ chỉ số cơ bản của HTYT tỉnh năm 2020 theo khung hệ thống y tế của WHO, từ đó cung cấp những bằng chứng khoa học để xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Tại tỉnh Phú Thọ, 12/2021 – tháng 5/2022.

Đối tượng nghiên cứu: Văn bản, báo cáo và số liệu thứ cấp về các hoạt động và kết quả công tác y tế giai đoạn 2016-2020.

Cỡ mẫu, chọn mẫu: Thu thập số liệu thứ cấp từ báo cáo, thống kê, nghiên cứu sẵn có của Phú Thọ về 6 lĩnh vực của HTYT: Quản lý, điều hành; nhân lực; tài chính; dược, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng; hệ thống thông tin; cung ứng dịch vụ.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu (TTSL): Gồm các mẫu thu thập số liệu được xây dựng bám sát khung hệ thống y tế theo WHO (2007) và cách tiếp cận đánh giá hệ thống y tế theo hướng dẫn của USAID (phiên bản 3.0, 2017).

Phương pháp TTSL: Số liệu thứ cấp được thu thập theo hệ thống báo cáo, thống kê sẵn có của Sở Y tế từ tuyến xã đến huyện và tỉnh. Nhóm nghiên cứu phối hợp với Sở Y tế thu thập thông tin theo các mẫu thu thập số liệu đã xây dựng sẵn.

Quy trình TTSL: Sở Y tế Phú Thọ là cơ quan đầu mối thực hiện thu thập số liệu thứ cấp được tổng hợp từ các tuyến, các cơ sở y tế tại địa phương.

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được tổng hợp và trình bày dưới dạng bảng/biểu phù hợp. Các kỹ thuật phân tích thống kê mô tả và suy luận phù hợp được sử dụng, so sánh với các chỉ tiêu/ mục tiêu của ngành cũng như của khu vực, quốc gia.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu này được triển khai sau khi đã được thông qua Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội với số quyết định 27/2022/YTCC-HD3 ngày 26 tháng 01 năm 2022.

KẾT QUẢ

Các chỉ số sức khỏe cộng đồng tại tỉnh Phú Thọ năm 2020

Bảng 1. Thời gian trung bình hoạt động chăm sóc của điều dưỡng

Chỉ số	Đơn vị	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá	Toàn quốc
Tuổi thọ bình quân	Năm	75*	73,4	Chưa đạt	73,7
Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản	BM/100.000 trẻ đẻ sống	<11***	<10,2	Đạt	52
Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	<6*	< 6	Đạt	14
Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	<6*	< 6	Đạt	20,4
Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân)	%	<10%***	12,16	Chưa đạt	12,3
Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể thấp còi)	%	<16***	15,32	Đạt	19,6
Quy mô dân số	Triệu người	-	1,474	-	
Tổng tỉ suất sinh	Con/phụ nữ	-	2,57	-	2,09
Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,1**	1,038	Đạt	1,06
Tỉ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	<113**	111,2	Đạt	115,1
Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng	%	<0,3***	0,24	Đạt	<0,3
Tỷ lệ mắc lao	Số mắc/100.000 dân	<75***	43	Đạt	176
Tỷ lệ mắc sốt xuất huyết	Số mắc/100.000 dân	<15***	12,3	Đạt	131,6
Tỷ lệ mắc sốt rét	Số mắc/1.000 dân	<0,1***	0	Đạt	0,02

* Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 24/11/2008)

** Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân số và phát triển tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 (số 2196/KH-UBND) ngày 07/6/2016

*** Kế hoạch chương trình mục tiêu y tế-dân số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 (số 601/KH-UBND ngày 13/2/2018)

Có thể thấy hầu hết các chỉ số cơ bản về sức khỏe cộng đồng tại Phú Thọ đều đạt trên mức trung bình của toàn quốc. Các chỉ số tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản, tử vong trẻ em dưới 1 tuổi và 5 tuổi đều ở mức thấp (<10,2/100.000 trẻ đẻ sống và dưới 6 ‰). Quy mô dân số toàn tỉnh tính đến năm 2020

là 1,474 triệu người, tuổi thọ bình quân khi sinh đạt 73,4 năm.

Cung ứng dịch vụ

Khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng: Các kỹ thuật mới, hiện đại được ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị; ứng dụng

trí tuệ nhân tạo vào điều trị ung thư, đột quy, ghép tạng, mổ tim hở, hỗ trợ sinh sản... Các cơ sở KCB thực hiện được 100% kỹ thuật theo phân tuyến, BVĐK tỉnh thực hiện được

trên 46% kỹ thuật hạng đặc biệt, các cơ sở KCB khác thực hiện được 15% đến 20% kỹ thuật tuyến trên. Tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến trung ương dưới 1% (bảng 2, 4).

Bảng 2. Một số kết quả hoạt động về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2016 -2020

Chỉ số		2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số lượt khám bệnh		2.087.111	2.199.389	2.202.004	2.329.041	2.368.073
Tổng số lượt điều trị nội trú		339.710	341.906	364.669	382.024	353.738
Tổng số phẫu thuật		41.746	40.093	43.229	47.119	49.270
Ngày điều trị	<i>BV chuyên khoa</i>	15,7	13,1	12,08	12,4	11,88
trung bình/1 NB	<i>BV đa khoa và</i>					
điều trị nội trú	<i>TTYT</i>	6,15	6,01	6,07	5,98	6,08
Tỷ lệ hài lòng người bệnh chung (%)		87,8	90,7	93,2	95,04	99,6
Tỷ lệ chuyển tuyến Trung ương (%)		1,27	1,0	0,98	0,93	0,82
Số lượt KB bình quân/người/năm		1,5	1,58	1,57	1,59	1,6
Triển khai kỹ thuật mới		121	262	268	235	243

Dịch vụ y tế dự phòng: Về cơ bản, Phú Thọ đạt được tiến độ thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ vào năm 2020 về y tế. Hầu hết các chỉ tiêu liên quan đến y tế dự phòng đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (bảng 3). Trong lĩnh vực Dân số và phát triển đã không chế thành công tốc độ gia tăng nhanh

dân số, cơ cấu dân số thay đổi tích cực. Chất lượng dân số được cải thiện, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trung bình của cả nước. Tuổi thọ trung bình tăng từ 70,6 tuổi (năm 1999) lên 73,4 tuổi (năm 2020), tương đương mức trung bình của cả nước.

Bảng 3. Một số kết quả cung cấp dịch vụ y tế dự phòng năm 2020

Tiêm chủng mở rộng	Phú Thọ	Quốc gia (13)
Tỷ lệ trẻ <1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	99,5%	>95%
Tỷ lệ được tiêm BCG	99,2%	-
Tỷ lệ được tiêm viêm gan B	93,6%	-
Tỷ lệ được uống vắc xin Bại liệt	99,2%	-
Tỷ lệ được tiêm BH-HG-uốn ván	99,5%	-
Tỷ lệ được tiêm sởi	99,6%	-
Sức khỏe tâm thần		
TS BN mới phát hiện tâm thần phân liệt	306	-

Tiêm chủng mở rộng	Phú Thọ	Quốc gia (13)
TS BN mới phát hiện động kinh	243	-
Tỷ lệ BN tâm thần phân liệt được quản lý điều trị	100%	~ 82,4%
Tỷ lệ BN động kinh được quản lý điều trị	100%	
Tỷ lệ xã/phường quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt	100%	92%
Tỷ lệ xã/phường quản lý bệnh nhân động kinh	100%	80%
Phòng chống HIV/AIDS		
Số hiện nhiễm	3.521	-
Số chuyển sang AIDS	1.715	-
Số tử vong	1.585	-
Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư (%)	0,24%	0,26%
Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình	90%	82%
Tỷ lệ người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị kháng vi rút (ARV)	95%	76,5%
Tỷ lệ người điều trị ARV có tải lượng vi-rút dưới ngưỡng ức chế	96%	96%

Chính sách và tổ chức hệ thống

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành y tế đã tích cực tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để ban hành nhiều văn bản, chính sách quan trọng. Về tổ chức, ngành y tế đã từng bước kiện toàn tổ chức. Về quản lý nhà nước hệ thống gồm Sở Y tế; Chi cục DS- KHHGĐ; Chi cục ATVSTP và 13 Phòng Y tế cấp huyện. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, gồm có: 18 đơn vị có chức năng KCB, trong đó có 01 BVĐK tỉnh, 05 BVCK tỉnh, 01 BVĐK thị xã (theo mô hình viện - trường), 11 TTYT có chức năng KCB; 4 trung tâm thuộc hệ dự phòng tuyến tỉnh (Kiểm soát bệnh tật, Kiểm nghiệm, Giám định Y khoa, Giám định Pháp Y); 02 TTYT một chức năng thuộc tuyến huyện; 01 trường Cao đẳng Y tế; 255 trạm y tế xã. Ngoài ra còn có 01 Hội Đông y, 01 Bệnh viện tư nhân (BVĐK tư nhân Hùng Vương), 02 bệnh viện ngành (Bệnh viện Công an tỉnh, Bệnh viện Xây dựng Việt Trì) và hơn 200 phòng khám tư nhân.

Nhân lực y tế

Trong giai đoạn 2016-2020, ngành y tế đã tuyển dụng 562 bác sĩ; cử 66 công chức, viên chức đi học tiến sĩ và chuyên khoa cấp 2; cử 519 công chức, viên chức đi học thạc sĩ và chuyên khoa cấp 1. Tổng số công chức, viên chức tuyển tỉnh, tuyển huyện, tuyển xã đến cuối năm 2020 là 6.651 người, đạt tỷ số 39,05 cán bộ y tế công lập trên 01 vạn dân; trong đó: số có trình độ sau đại học chiếm xấp xỉ 9%, số có trình độ đại học chiếm 21,37%, số có trình độ cao đẳng chiếm 5,73%, số có trình độ trung cấp chiếm 59,55%. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân của tỉnh là 14, tỷ số điều dưỡng/bác sĩ đạt 3,1.

Tài chính y tế

Ngân sách nhà nước cơ bản đáp ứng các hoạt động thường xuyên của ngành y tế; đầu tư một số hạng mục cho trạm y tế xã và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh, tuyển huyện. Đặc biệt ngành và các cơ sở y tế đã huy động các nguồn lực xã hội đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị để phát triển y tế chuyên sâu...Năm

2020, ngân sách y tế bình quân đầu người là 2,2 triệu đồng (năm 2016, 2017, 2018, 2019 lần lượt là 1,14; 1,33; 1,87; 1,86 triệu đồng).

Công tác Dược, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị

Về cơ sở hạ tầng y tế: Trên 245.000 m² sàn xây mới được đưa vào sử dụng từ nguồn vốn xã hội hóa. Hoàn thành các công trình hiện đại như: Bệnh viện Sản Nhi 560 giường bệnh, Khu điều trị chất lượng cao tại các BV/TTYT hai chức năng quy mô từ 100-200 giường bệnh; Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng và Bệnh viện Mắt, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Nâng tổng số giường bệnh tuyến tỉnh/huyện đạt 47 giường bệnh/vạn dân. Đối với Trạm Y tế xã đến hết năm 2020, đạt 100% Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020.

Trang thiết bị y tế: Hàng trăm chủng loại thiết bị y tế được đưa vào phục vụ phát triển chuyên môn kỹ thuật, trong đó là một số thiết bị hiện đại, để triển khai kỹ thuật cao như: Hệ thống xạ trị, Hệ thống chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền DSA phục vụ can thiệp tim mạch, hệ thống chụp cộng hưởng từ, máy chụp CT scanner 16, 32, 128 lát cắt..

Dược: Hiện nay hệ thống các cơ sở kinh doanh dược có: 02 cơ sở sản xuất thuốc, 22 cơ sở bán buôn thuốc, 1.368 cơ sở bán lẻ thuốc. Trong đó 100% đơn vị hành chính cấp xã đều có cơ sở bán lẻ thuốc; bình quân đạt 1.143 người dân/cơ sở bán lẻ thuốc (toàn quốc 2.232 dân/cơ sở bán lẻ thuốc). Tổ chức ít nhất 01 nhà thuốc tại các bệnh viện (hoặc tương đương) có trực 24/24 để đảm bảo cung ứng thuốc bao gồm cả các thuốc kiểm soát đặc biệt.

Hệ thống Thông tin y tế

Sở Y tế đã chủ động phối hợp với Cục Công nghệ thông tin Bộ Y tế triển khai ứng dụng CNTT trong y tế; triển khai Đề án Ứng dụng tổng thể CNTT trong ngành Y tế giai đoạn 2019-2025. Ngày 16/7/2020, Sở Y tế khai trương và đưa Trung tâm điều hành y tế thông minh đi vào hoạt động. 100% cơ sở KCB đã triển khai áp dụng bệnh án điện tử. 100% trạm y tế xã tham gia khám, chữa bệnh cho

người dân có thể BHYT và kết nối dữ liệu liên thông qua hệ thống CNTT. Trong năm 2020 đã triển khai thành công hệ thống Telemedicine hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa tại các trạm y tế tuyến xã (Kết nối từ xã đến TTYT huyện, từ huyện – tỉnh – trung ương). Tỷ lệ hồ sơ sức khỏe cá nhân được khởi tạo đạt 99,6% dân số; 100% cơ sở y tế triển khai thống kê điện tử và quản lý nhân lực bằng phần mềm của Bộ Y tế.

BÀN LUẬN

Cung ứng dịch vụ

Công tác khám chữa bệnh: Công tác KCB có nhiều tiến bộ cả về chuyên môn kỹ thuật, tinh thần thái độ phục vụ và chất lượng chăm sóc... Các bệnh viện hướng tới xây dựng theo mô hình bệnh viện khách sạn; nhiều bệnh viện, TTYT tuyến huyện trở thành bệnh viện vệ tinh của BVĐK tỉnh và một số bệnh viện tuyến Trung ương, tỷ lệ giường bệnh viện đạt 47 giường trên 01 vạn dân (trong khi toàn quốc là 28). Tỷ lệ người bệnh phải chuyển lên tuyến trên giảm đáng kể. Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến KCB tại bệnh viện các tuyến đều đạt 100% trong khi nhiều tỉnh có điều kiện kinh tế xã hội tương đương chưa đạt được chỉ tiêu 80% ở tuyến huyện (14).

Công tác y tế dự phòng: Mặc dù là 1 tỉnh miền núi có địa hình tương đối phức tạp nhưng các chỉ số về công tác y tế dự phòng của Phú Thọ đều được cải thiện qua các năm, tính đến năm 2020 đều vượt mức trung bình của toàn quốc. Tỷ lệ mắc, chết do các bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh giảm sâu trong những năm gần đây: Tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm giai đoạn 2010-2014 là 2.976 ca/100.000 dân, giảm xuống còn 1.198 ca/100.000 dân giai đoạn 2015-2019; Tỷ lệ chết do bệnh truyền nhiễm giai đoạn 2010-2014 là 0,67 ca/100.000 dân giảm xuống còn 0,14 ca/100.000 dân giai đoạn 2015-2019.

Phú Thọ đã không chế thành công tốc độ gia tăng nhanh dân số. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm giai đoạn 2009-2019 là 1,06% (Trung du miền núi phía Bắc: 1,26 %, cả nước: 1,14%). Cơ cấu dân

số thay đổi tích cực, số lượng và tỉ trọng dân số phụ thuộc giảm, dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh. Tỉ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ tăng từ 20,1% lên 53,1%; lao động nông nghiệp giảm từ 79,9% xuống còn 46,9%.

Chất lượng dân số được cải thiện, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trung bình của cả nước. Tỉ lệ suy dinh dưỡng và tỉ suất tử vong trẻ em thấp hơn mức bình quân chung của cả nước. (tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (nhẹ cân) còn dưới 12,16%). Tuổi thọ trung bình tăng từ 70,6 tuổi (năm 1999) lên 73,4 tuổi (năm 2020), tương đương mức trung bình của cả nước.

Chính sách, lãnh đạo, điều hành: Đây là yếu tố then chốt, quyết định thành công của HTYT. Kết quả phòng chống dịch bệnh Covid – 19 năm 2020 cho thấy khi dịch diễn biến phức tạp, Ngành Y tế đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai các hoạt động phòng chống dịch được triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả, đã khống chế ngăn chặn không để dịch bệnh bùng phát trên địa bàn.

Nhân lực y tế: Đến năm 2020, toàn ngành có khoảng 6.000 cán bộ y tế, tăng 2.400 cán bộ y tế so với năm 2010. Chỉ số bác sỹ/vạn dân của Phú Thọ là 14 cao hơn nhiều so với toàn quốc (đạt 9 bác sỹ) và nhiều tỉnh trong khu vực như Lào Cai (12,3 bác sỹ) hoặc Bắc Giang (9,7 bác sỹ). Tuy nhiên, chỉ số được sỹ đại học/vạn dân của Phú Thọ năm 2020 mới đạt 2,67, thấp hơn mức trung bình trung của toàn quốc (2,95) (10, 11, 13). Năm 2004, có 51 % số trạm y tế có bác sỹ, đến năm 2018 đạt 100% trạm y tế có bác sỹ; 100 % cán bộ y tế tuyến xã có trình độ chuyên môn từ trung học y tế trở lên ; 100% TYT xã, phường, thị trấn có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh; 100% thôn, bản, khu dân cư có NVYT hoạt động.

Tài chính y tế và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: Công tác xã hội hóa về y tế được đẩy mạnh, tỷ lệ giường bệnh xã hội hóa chiếm 51,6%. Tại TTYT huyện Thanh Thủy, với quy mô 400 giường bệnh trong đó 300 giường xã hội hóa, trung tâm đầu tư xây dựng tòa nhà điều trị 7 tầng đưa vào sử dụng năm 2019, trị giá 96,8 tỉ đồng

theo hình thức liên doanh, liên kết. Ngành Y tế tỉnh Phú Thọ trở thành điểm sáng thu hút nhiều tình, thành về thăm quan, học tập kinh nghiệm trong đổi mới công tác quản lý, hiện đại hóa cơ sở vật chất. Hiện tại tỉnh có 05 cơ sở KCB đạt hạng I (năm 2015 có 01), 13 cơ sở KCB đạt hạng II (năm 2015 có 08), không còn cơ sở KCB hạng III. Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh tham gia Bảo hiểm Y tế đạt trên 93% (cả nước: 90,7%). Tuy nhiên hiện nay do những bất cập trong hàng lang pháp lý về xã hội hoá y tế, liên doanh liên kết, thiếu các quy định hướng dẫn cụ thể, rõ ràng nên tiến trình xã hội hoá cũng bị ảnh hưởng trên toàn quốc cũng như Phú Thọ (15).

Ứng dụng tổng thể công nghệ thông tin: Ngành Y tế Phú Thọ được đánh giá là điểm sáng trong thực hiện chuyển đổi số. Điểm nổi bật trong kết quả ứng dụng CNTT tại Phú Thọ là tính đồng bộ và kết nối, liên thông trong toàn hệ thống chứ không chỉ tại các cơ sở y tế đơn lẻ (16).

Hạn chế của nghiên cứu: Số liệu định lượng được thu thập hoàn toàn từ nguồn số liệu sẵn có nên có những chỉ số quan trọng phản ánh kết quả của hệ thống y tế không sẵn có hoặc không đầy đủ qua các năm. Một số chỉ số, lĩnh vực cũng còn hạn chế do một số mục tiêu được đề ra trong quy hoạch chiến lược được xây dựng từ năm 2008 hoặc không thống nhất trong các kế hoạch, văn bản khác nhau.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy đến hết năm 2020, ngành y tế Phú Thọ đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phát triển KT-XH của tỉnh có liên quan đến công tác Y tế. Các chỉ tiêu về cung ứng dịch vụ đều đạt và vượt mức trung bình toàn quốc. Đặc biệt các kết quả vượt bậc về phát triển nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho thấy thành công của 3 mũi đột phá của ngành giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên hệ thống y tế còn tiềm ẩn những hạn chế như mất cân đối trong cơ cấu nhân lực, công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số

và phát triển còn tiềm ẩn nhiều thách thức, nguy cơ cao, thiếu hướng dẫn cụ thể, hành lang pháp lý đối với một số chính sách quan trọng về tài chính y tế khiến cho việc thực thi còn lúng túng.

Ngành y tế tỉnh Phú Thọ cần tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp đảng ủy, chính quyền, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Organization WH. The world health report 2000: health systems: improving performance: World Health Organization; 2000.
2. Minh HV, Giang LM, Cashin C, Hinh NDJGph. Health system research in Vietnam: generating policy-relevant knowledge. Taylor & Francis; 2015. p. S1-S4.
3. Project HFG. Health Systems Assessment Approach A How-To Manual. 2017.
4. Organization WH. World report on health policy and systems research. 2017.
5. Uganda MoHo. Uganda Health System Assessment 2011. Health Systems 20/20 project, Abt Associates Inc. Kampala and Bethesda; 2012.
6. Nam HSaPiO.V. Health System Assessment in 8 provinces of Vietnam. 2008.
7. Mulaki AaSM, S Kenya Health Systems Assessment. 2019.
8. Bộ Y tế NĐtyt. Báo cáo chung tổng quan ngành y tế năm 2015. Y học; 2015.
9. Bộ Y tế NĐtyt. Báo cáo chung tổng quan ngành y tế năm 2018. Y học; 2018.
10. Giang SyttB. Kế hoạch công tác y tế tỉnh Bắc Giang 5 năm, giai đoạn 2021-2025. 2019.
11. Cai SyttL. Kế hoạch phát triển y tế 5 năm giai đoạn 2021-2025. 2020.
12. Thọ CtkP. Niên giám thống kê 2020. 2020.
13. tế BY. Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020 (Số 2094/BC-BYT ngày 31/12/2020). 2020.
14. tế By. Báo cáo công tác y tế 2021. 2022.
15. động Bl. Xã hội hoá y tế ở “nút tạm dừng”, mua sắm trang thiết bị gần như đóng băng. 2022.
16. tế BY. Tài liệu Hội nghị y tế toàn quốc năm 2020. 2021.

Assessment results of the health system at Phu Tho province in 2020

Phạm Thị Huyền Chang¹, Le Bao Chau¹, Phạm Quỳnh Anh¹
¹Hanoi University of Public Health

Describe the results/indicators of the health system at Phu Tho province in 2020. Methodology: A cross-sectional study, collect quantitative data according to the reporting and statistical system of the Department of Health from the commune to district and provincial levels by pre-built data sheets. Results: Most of the results in 2020 of the Phu Tho health system are above the national average. Results of health activities in the following areas: leadership and governance; human resources; financing; medicines and technologies; information; service delivery have met and exceeded the set targets. Recommendation: The health system of Phu Tho province in 2020 has achieved many good results, but the health sector needs to continue to strengthen direction, improve capacity for epidemic prevention and control, and improve the quality of medical examination and treatment. At the same time, focusing on reforming administrative procedures, constantly applying information technology and developing human resources, promoting the application of medical science and technology.

Keywords: Health system, healthcare, preventive health.